

Số: **754/2020/QĐST-HNGĐ**

Đống Đa, ngày 10 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 901/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2020, giữa những người yêu cầu:

- **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1996

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 1B Tập thể QĐ, trạm 55A PK-KQ, phường K, Quận Đ, Thành phố H.

- **Anh Nguyễn Văn V**, sinh năm 1980

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/12/2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 901/2020/HNGĐST ngày 23 tháng 10 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, Thành phố H ngày 26/6/2015.

Nay chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận ông bà thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V có 01 con chung là cháu Nguyễn An N (giới tính nam), sinh ngày 06/10/2015. Ly hôn, ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của chị T và anh V: Giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 01 con chung là cháu Nguyễn An N; Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 01 con chung: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng. Việc cấp dưỡng nuôi 01 con chung được thực hiện từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi 01 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế.

Anh Nguyễn Văn V có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung** (động sản): Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về nhà ở chung** (Bất động sản): Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về nợ:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về lệ phí:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V để chị T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014994 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Bích Hạnh